

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KÔNG BƠ LA
Số: 902 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Kông Bơ La, ngày 24 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã khóa IX- Kỳ họp thứ ba (Chuyên đề).

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ 2 về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kông Bơ La về phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025 trên địa bàn xã;

Căn Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Căn Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND xã Kông Bơ La về việc chuyển nguồn kinh phí năm 2024 sang năm 2025;

UBND xã Kông Bơ La lập Tờ trình đề nghị HĐND xã xem xét phê duyệt Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã; với những nội dung như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2025.

+ Kinh phí trước điều chỉnh: 992 triệu đồng

+ Điều chỉnh giảm các Dự án 8, Dự án 9, Dự án 10 với số tiền 272 triệu đồng;

+ Điều chỉnh tăng Dự án 3, Dự án 4 với số tiền 1.262,88 triệu đồng;

+ Kinh phí sau điều chỉnh: 1.982,88 triệu đồng.

2. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.

+ Kinh phí trước điều chỉnh: 1.737 triệu đồng;

+ Điều chỉnh giảm tiểu dự án 1- Dự án 4 với số tiền: 269 triệu đồng;

+ Điều chỉnh tăng Dự án 2 với số tiền: 269 triệu đồng;

+ Kinh phí sau điều chỉnh: 1.737 triệu đồng.

3. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2025.

+ Kinh phí trước điều chỉnh: 264,82 triệu đồng;

+ Điều chỉnh tăng Nội dung thành phần số 1; 6; 7, 11 với số tiền: 160,06 triệu đồng .

+ Kinh phí sau điều chỉnh: 424,88 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01, 02, 03 kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã khóa IX- Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND, UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trung Trực

PHỤ LỤC 01
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Tờ trình số 902 /TTtr-UBND ngày 24 /10 /2025 của UBND xã Kông Bơ La)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025				Điều chỉnh tăng (+) , giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách TW chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	992,00	939,00	-	53,00	990,88	739,50	223,34	22,02	6,02	1.982,88	1.901,84	22,02	59,02
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM					-272	-242		0	-30				
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG					1.262,88	981,50	223,34	22,02	36,02				
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	215	215	0	0	0	0		0	0	215	215	0	0
	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140	140			0					140	140		
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	75	75								75	75		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	358	338	0	20	405	425		0	-20	763	763	0	0
	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	358	338		20	405	425			-20	763	763	0	0
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	167	144	0	23	837,882	556,5	223,342	22,02	36,02	1004,882	923,842	22,02	59,02
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	167	144		23	614,54	556,5		22,02	36,02	781,54	700,5	22,02	59,02

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025				Điều chỉnh tăng (+) , giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách TW chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	77	70		7	-77	-70			-7	0	0	0	0
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	46	46	0	0	-46	-46		0	0	0	0	0	0
	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	46	46			-46	-46				0			
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	129	126	0	3	-129	-126		0	-3	0	0	0	0
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	123	120		3	-123	-120			-3	0	0	0	0
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	6	6			-6	-6				0	0	0	0

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Tờ trình số g02 /TTr-UBND ngày 22/10 /2025 của UBND xã Kông Bơ La)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025				Điều chỉnh tăng (+) , giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	1.737,00	1.553,00	-	184,00	-	-	-	-	1.737,00	1.553,00	-	184,00
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM					269	249	0	20				
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG					-269	-249	0	-20				
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	715	637	0	78	269	249	0	20	984	886	0	98
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	175	155	0	20					175	155	0	20
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	175	155		20					175	155	0	20
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng												
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	753	679	0	74	-269	-249	0	-20	484	430	0	54
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	498	449		49	-269	-249		-20	229	200	0	29
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	255	230		25					255	230	0	25
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	94	82	0	12	0	0	0	0	94	82	0	12
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	52	45		7					52	45	0	7
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	42	37		5					42	37	0	5

PHỤ LỤC 03
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Tờ trình số 902/TT-UBND ngày 24/10/2025 của UBND xã Kông Bơ La)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (tại NQ số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 và NQ số 36/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	TỔNG SỐ	264,82	264,82	-	-	160,06	142,06	-	18,00	424,88	406,88	-	18,00	
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM													
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG					160,06	142,06	0	18					
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch					30,88	30,88			30,88	30,88			
2	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	90	90	0	0	60	60	0		150	150	0	0	
3	Nội dung thành phần số 7: Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	126	126	0		18			18	144	126	0	18	Định mức hỗ trợ mô hình theo Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND tỉnh: ngân sách trung ương hỗ trợ 70%, ngân sách xã đối ứng 10%, và huy động các nguồn khác 20%).
4	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	48,82	48,82	0	0	51,18	51,18	0	0	100	100	0	0	
	Nội dung 01	28,82	28,82	0		21,18	21,18			50	50	0	0	
	Nội dung 04	20	20	0		30	30			50	50	0	0	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

XÃ KÔNG BƠ LA

Số: /NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kông Bơ La, ngày tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh kinh phí phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình
mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KÔNG BƠ LA KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ BA (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc Hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai khóa XII, kỳ họp thứ 2 về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 05/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kông Bơ La về phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025 trên địa bàn xã;

Căn Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Căn Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND xã Kông Bơ La về việc chuyển nguồn kinh phí năm 2024 sang năm 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND xã Kông Bơ La V/v đề nghị điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2025.

- Về kinh phí:
 - + Tổng kinh phí trước điều chỉnh: 992 triệu đồng
 - + Tổng kinh phí sau điều chỉnh: 1.982,88 triệu đồng.
 - Về hạng mục dự án:
 - + Giảm kinh phí thực hiện Dự án 3 (ngân sách xã), Dự án 8, Dự án 9, Dự án 10: 272 triệu đồng;
 - + Tăng kinh phí thực hiện Dự án 3 (NSTW), Dự án 4: 1.262,88 triệu đồng;
- 2. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025.**

- Về kinh phí:
 - + Tổng kinh phí trước điều chỉnh: 1.737 triệu đồng;
 - + Tổng kinh phí sau điều chỉnh: 1.737 triệu đồng;
 - Về hạng mục dự án:
 - + Giảm kinh phí thực hiện tiểu dự án 1- Dự án 4 với số tiền: 269 triệu đồng;
 - + Tăng kinh phí thực hiện Dự án 2 với số tiền: 269 triệu đồng;
- 3. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2025.**

- Về kinh phí:
 - + Tổng kinh phí trước điều chỉnh: 264,82 triệu đồng;
 - + Tổng kinh phí sau điều chỉnh: 424,88 triệu đồng.
- Về hạng mục dự án:
 - + Tăng kinh phí thực hiện Nội dung thành phần số 1; 6; 7, 11 với số tiền: 160,06 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 01, 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa IX- Kỳ họp thứ ba (chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐND tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND, UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

PHỤ LỤC 01
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày / / 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kông Bơ La)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025				Điều chỉnh tăng (+) , giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách TW chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	992,00	939,00	-	53,00	990,88	739,50	223,34	22,02	6,02	1.982,88	1.901,84	22,02	59,02
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM					-272	-242		0	-30				
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG					1.262,88	981,50	223,34	22,02	36,02				
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	215	215	0	0	0	0		0	0	215	215	0	0
	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140	140			0					140	140		
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	75	75								75	75		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	358	338	0	20	405	425		0	-20	763	763	0	0
	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	358	338		20	405	425			-20	763	763	0	0
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	167	144	0	23	837,882	556,5	223,342	22,02	36,02	1004,882	923,842	22,02	59,02
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	167	144		23	614,54	556,5		22,02	36,02	781,54	700,5	22,02	59,02

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025				Điều chỉnh tăng (+) , giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách TW năm 2025	Ngân sách TW chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	77	70		7	-77	-70			-7	0	0	0	0
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	46	46	0	0	-46	-46		0	0	0	0	0	0
	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	46	46			-46	-46				0			
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	129	126	0	3	-129	-126		0	-3	0	0	0	0
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	123	120		3	-123	-120			-3	0	0	0	0
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	6	6			-6	-6				0	0	0	0

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày / / 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kông Bơ Lạ)

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	1.737,00	1.553,00	-	184,00	-	-	-	-	1.737,00	1.553,00	-	184,00
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM					269	249	0	20				
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG					-269	-249	0	-20				
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	715	637	0	78	269	249	0	20	984	886	0	98
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	175	155	0	20					175	155	0	20
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	175	155		20					175	155	0	20
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng												
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	753	679	0	74	-269	-249	0	-20	484	430	0	54
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	498	449		49	-269	-249		-20	229	200	0	29
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	255	230		25					255	230	0	25
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	94	82	0	12	0	0	0	0	94	82	0	12
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	52	45		7					52	45	0	7
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	42	37		5					42	37	0	5

PHỤ LỤC 03
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày / / 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kông Bơ La)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KÔNG BƠ LA														
TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (tại NQ số 17/NQ-HDND ngày 22/7/2025 và NQ số 36/NQ-HDND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh)				Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	TỔNG SỐ	264,82	264,82	-	-	160,06	142,06	-	18,00	424,88	406,88	-	18,00	
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH GIẢM													
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG													
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch					160,06	142,06	0	18					
						30,88	30,88			30,88	30,88			
2	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	90	90	0	0	60	60	0		150	150	0	0	
3	Nội dung thành phần số 7: Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	126	126	0		18			18	144	126	0	18	Định mức hỗ trợ mô hình theo Nghị quyết số 71/2023/NQ-HDND tỉnh: ngân sách trung ương hỗ trợ 70%, ngân sách xã đối ứng 10%, và huy động các nguồn khác 20%).
4	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	48,82	48,82	0	0	51,18	51,18	0	0	100	100	0	0	
	Nội dung 01	28,82	28,82	0		21,18	21,18			50	50	0	0	
	Nội dung 04	20	20	0		30	30			50	50	0	0	